TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28/11/2018
"V/v *tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị H và anh K*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Huề;

2.Ông Trần Quang Đương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Viết Dũng -Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 252/2018/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1983

Bị đơn: Anh Vũ Văn K sinh năm 1982

Cùng ở địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Binh.

(*Tại phiên tòa có chị H, vắng mặt anh K)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn K tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Q vào ngày 25/02/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh K có biểu hiện nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con, năm 2014 mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn chị xin ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Xuân B sinh ngày 29/10/2006 hiện đang ở với chị, ly hôn chị nhận trách nhiệm nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn K vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Kết quả xác minh với gia đình anh K và cơ sở thôn T, xã M thấy: Chị H và anh K là vợ chồng, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, gia đình và cơ sở thôn không rõ, nay chị H có đơn xin ly hôn, gia đình và cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị H, anh K có 01 con chung như chị H đã trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho chị H và anh K ly hôn, về con chung đề nghị Tòa án giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung gia đình và cơ sở thôn không rõ.

Chị H và anh K vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã M, huyện Q. Hiện tại anh K có đi làm ăn tự do ở khu vực gần nhà, thường xuyên về nhà, anh K có biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh K.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến nhận xét .

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn K; giao con chung Vũ Xuân B sinh ngày 29/10/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con; vợ chồng không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết; chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị H khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với anh Vũ Văn K. Do anh K là bị đơn cư trú tại thôn H, xã M, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện Q, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn K xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp giấy đăng ký kết hôn số 10 ngày 25/02/2006 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hạnh phúc hòa thuận đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K không tu chí làm ăn, có biểu hiện nghiện ma túy, từ đó không quan tâm đến gia đình, vợ, con. Mâu thuẫn căng thẳng vào năm 2014, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay, không ai hỏi han quan tâm gì tới ai. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh K, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh K không có mặt tại phiên hòa giải và vắng mặt tại các buổi tố tụng của Tòa án mặc dù anh K biết được việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn của anh chị. Điều đó chứng tỏ anh K không có thiện chí hòa giải, không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ tồn tại về mặt hình thức, anh chị thực sự không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh K là phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân & gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị H và anh K có 01 con chung là Vũ Xuân B sinh ngày 29/10/2006 hiện đang ở với chị H, chị H có nguyện vọng xin nuôi con chung, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con, còn anh K không có quan điểm về việc nuôi con chung. Nguyện vọng nuôi con chung của chị H là và chính đáng và hợp pháp, thực tế con chung đang được chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu có nguyện vọng ở với chị H, nên chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con là phù hợp với điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3.]Về tài sản chung: chị H khai vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết còn anh K không có ý kiến trình bày về tài sản nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: chị H và anh K có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1.Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn K.

2.Về quan hệ con chung: xử giao con chung Vũ Xuân B sinh ngày 29/10/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng cho con. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003785 ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị H có quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Q;
- UBND xã Th, h.Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(đã ký)